TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2025/HNGĐ - ST
Ngày 29/9/2025.
(*V/v:ly hôn*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Khắc Thái, ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên toà: bà Trần Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2025/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc "ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trương Thị T, sinh năm 1981. CCCD số: 037181003474

Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: ông Bùi Đình C, sinh năm 1972. CCCD số: 037072000774

Nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Ninh Bình.

Bà T vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt; ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2025, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày: tôi và ông Bùi Đình C kết hôn với nhau vào ngày 09 tháng 6 năm 2001 tại UBND xã Văn Phú, huyện nHo Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn hai người chung sống tại thôn Phượng Lâm, xã Văn Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn Phượng Lâm, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình). Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nhiều vấn đề không hợp nhau nên có việc xẩy ra cãi nhau, xúc phạm nhau kéo dài; ông C hay xúc phạm cả bố mẹ tôi. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục nên từ đầu năm 2025 đến nay vợ chồng tôi tuy sống chung nhà nhưng thực sự đã ly thân hoàn toàn, không quan tâm gì đến nhau nữa. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn ông Bùi Đình C. Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là Bùi Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 02/6/2002 và Bùi Thị Khánh Huyền, sinh ngày 25/7/2005. Các con chung của chúng tôi đều đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: tôi không yêu cầu giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Bùi Đình C vẫn vắng mặt tại Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: các Điều 5, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho bà Trương Thị T được ly hôn với ông Bùi Đình C. Về án phí: bà Trương Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Bùi Đình C có địa chỉ tại thôn Phượng Lâm, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy việc Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Trương Thị T và ông Bùi Đình C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống tại thôn Phượng

Lâm, xã Văn Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn Phượng Lâm, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình). Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của bà T cũng như qua xác minh tại cơ sở là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhiều vấn đề không hợp nhau nên vợ chồng có xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Bản thân bà T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, bà không còn thương yêu ông Bùi Đình C nữa; còn ông Bùi Đình C dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Bùi Đình C không lên Tòa án làm việc và tham gia phiên hòa giải. Điều đó chứng tỏ ông Bùi Đình C cũng không có thiện chí để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Thị T và ông Bùi Đình C đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị T, xử cho bà Trương Thị T được ly hôn với ông Bùi Đình C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: bà Trương Thị T và ông Bùi Đình C có 02 con chung là Bùi Thị Ngọc Á, sinh ngày 02/6/2002 và Bùi Thị Khánh H, sinh ngày 25/7/2005. Các con chung của chúng tôi đều đã trưởng thành, tự lập nên việc nuôi con chung không phải đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: bà Trương Thị T và ông Bùi Đình C không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xét.

[5] Về án phí:

Về án phí: bà Trương Thị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Trương Thị T được ly hôn với ông Bùi Đình C.

2. Về án phí: bà Trương Thị T phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trương Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Nho Quan (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3- Ninh Bình) theo biên lai số BLTU/24/0001116, ngày 19/6/2025.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Thanh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Hữu Quốc